TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 142/2019/DS - PT
Ngày 26 – 4 – 2019
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Đình Thanh

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Ý

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Văn Duẩn – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Ông Vũ Thanh Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 289/2017/TLPT-DS ngày 31 tháng 10 năm 2017 về "Tranh chấp thừa kế tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2017/DS-ST ngày 06 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 390/2019/QĐPT-DS ngày 25 tháng 3 năm 2019; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lâm Cao Th, sinh năm 1960; địa chỉ: 876 ấp AC, xã BS, huyện TB, tỉnh Đồng Nai; *(có mặt).*

Người đại diện theo ủy quyền của ông Th (được ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 22/9/2015): Ông Lâm Văn V, sinh năm 1961; địa chỉ: 45 NH, ấp BC, xã BS, huyện TB, tỉnh Đồng Nai; *(có mặt).*

- *Bị đơn:*

1. Ông Lâm Quang H, sinh năm 1969; *(vắng mặt).*

2. Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1969; *(vắng mặt).*

Cùng địa chỉ: 120 thôn ĐB, ấp BC, xã BS, huyện TB, tỉnh Đồng Nai.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà NLQ1 (NLQ1), sinh năm 1953; địa chỉ: 738 9th Avenue.Port Arthur, Texas 77642-0000. USA; địa chỉ liên lạc: 3630 11st street Port Arthur, Texas 77642. USA; *(vắng mặt).*

Người đại diện theo ủy quyền của bà NLQ1 (được ủy quyền theo Hợp đồng ủy quyền đã được Chứng nhận/Hợp pháp hóa Lãnh sự ngày 29/10/2015): Ông Lâm Văn V, sinh năm 1961; địa chỉ: 45 NH, ấp BC, xã BS, huyện TB, tỉnh Đồng Nai; *(có mặt).*

2. Bà NLQ2, sinh năm 1954; địa chỉ: 448/2, Khu phố 8, phường TB, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai; *(vắng mặt).*

Người đại diện theo ủy quyền của bà NLQ2 (được ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 24/9/2015): Ông Lâm Văn V, sinh năm 1961; địa chỉ: 45 NH, ấp BC, xã BS, huyện TB, tỉnh Đồng Nai; *(có mặt).*

3. Ông Lâm Văn V, sinh năm 1961; địa chỉ: 45 NH, ấp BC, xã BS, huyện TB, tỉnh Đồng Nai; *(có mặt).*

4. Ông NLQ4, sinh năm 1963; địa chỉ: 533 ấp AC, xã BS, huyện TB, tỉnh Đồng Nai; *(có mặt).*

Người đại diện theo ủy quyền của ông NLQ4 (được ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 29/6/2015): Ông Lâm Văn V, sinh năm 1961; địa chỉ: 45 NH, ấp BC, xã BS, huyện TB, tỉnh Đồng Nai; *(có mặt).*

5. Bà NLQ5, sinh năm 1965; địa chỉ: 88 ấp AC, xã BS, huyện TB, tỉnh Đồng Nai; *(có mặt).*

Người đại diện theo ủy quyền của bà NLQ5 (được ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 29/6/2015)): Ông Lâm Văn V, sinh năm 1961; địa chỉ: 45 NH, ấp BC, xã BS, huyện TB, tỉnh Đồng Nai; *(có mặt).*

6. Ông NLQ6 (NLQ6), sinh năm 1975; địa chỉ: 16910 Bird Creeks Dr. Houston, Texas 77084, USA, *(vắng mặt).*

Người đại diện theo ủy quyền của ông NLQ6 (được ủy quyền theo Giấy ủy quyền đã được Chứng nhận/Hợp pháp hóa Lãnh sự ngày 18/01/2016): Ông Lâm Văn V, sinh năm 1961; địa chỉ: 45 NH, ấp BC, xã BS, huyện TB, tỉnh Đồng Nai; *(có mặt).*

7. Trẻ NLQ7 và trẻ NLQ8;

Người đại diện theo pháp luật của trẻ NLQ7 và trẻ NLQ8: Ông Lâm Quang H, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1969; cùng địa chỉ: 120 thôn ĐB, ấp BC, xã BS, huyện TB, tỉnh Đồng Nai; *(vắng mặt).*

- *Viện kiểm sát kháng nghị*: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn là ông Lâm Cao Th và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lâm Văn V trình bày:

Cha mẹ của ông Lâm Cao Th là ông Lâm Văn D, sinh năm 1931 (chết ngày 09/4/2009) và bà Đặng Thị Ch, sinh năm 1933 (chết ngày 12/5/2009). Khi còn sống ông D, bà Ch đã tạo dựng được tài sản chung là căn nhà và quyền sử dụng đất diện tích 1.167m^2 thuộc thửa số 231, tờ bản đồ số 42, tại xã BS, huyện TB, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 445524 do UBND huyện TN(nay là UBND huyện TB) cấp ngày 23/4/1999. Ngoài tài sản là nhà và đất này, ông D và bà Ch không tạo lập được tài sản riêng hay tài sản chung nào khác. Ngày 04/12/2008, ông D có làm giấy tay chia đất cho 07 người con là ông Lâm Cao Th, bà NLQ1, bà NLQ2, ông Lâm Văn V, ông NLQ4, bà Lâm Thị H và ông NLQ6, mỗi người 3m x dài 18m = 54m^2 thuộc một phần thửa đất số 231. Ông D cũng làm giấy tay bán cho ông Lâm Quang H một phần thuộc thửa đất trên có chiều ngang trước 7m, chiều ngang sau 5,5m x dài 40m, với giá 400.000.00 đồng, có điều kiện là ông H phải thanh toán định kỳ trong vòng 4 tháng, khi nào thanh toán xong thì ông D sẽ giao đất và giấy bán tay để sử dụng, nhưng ông H chỉ thanh toán được 140.000.000đ rồi ngưng.

Giấy tay chia đất và giấy tay bán đất trên được ông D lập cùng thời điểm vào lúc 19 giờ 00 phút ngày 04/12/2008. Khi lập hai giấy này ông D và bà Ch vẫn còn minh mẫn, việc lập giấy được thực hiện có mặt của ông D và bà Ch, cùng các con là bà NLQ1, ông Th, ông V, ông NLQ4, bà NLQ5, ông H, vắng mặt ông NLQ6 (đang ở nước ngoài) và bà NLQ2.

Về giấy tay chia đất: Do thỏa thuận nội bộ gia đình, các anh chị em trong nhà không có tranh chấp về sau nên ông D và bà Ch không lập biên bản họp gia đình chặt chẽ, mà chỉ lập giấy chia đất cho các con, do đã thỏa thuận nên trong giấy chia đất chỉ thể hiện một mình ông D đứng tên, giấy chia đất cũng chỉ để tên những người nhận đất, người nào có mặt thì ký tên, không để tên và có chữ ký của người chia đất là ông D và bà Ch. Giấy chia đất ông D chỉ viết tên những người con được nhận đất gồm bà NLQ1, ông Th, ông NLQ4, ông NLQ6, bà NLQ2, ông V, bà NLQ5 và những người có mặt ký tên nhận gồm bà NLQ1 (có mặt vì về thăm gia đình), ông Th, ông NLQ4, ông V, bà NLQ5. Riêng ông H lúc đó đang ở trong căn nhà này là tài sản tranh chấp nên ông D và bà Ch không chia đất cho ông H, vì nghĩ ông H đã có nhà ở, nhưng cũng không làm giấy cho ông H căn nhà này, vì căn nhà này là nhà thờ của gia đình. Vì cần tiền thuốc thang nên ông D và bà Ch đã thỏa thuận làm giấy bán đất cho ông H một phần diện tích đất nêu trên *(đất bên hông nhà).*

Về giấy bán đất: Do nghĩ là quan hệ gia đình nên việc mua bán đất ông D và bà Ch không làm chặt chẽ theo quy định. Bán đất là kết quả thỏa thuận ý kiến của ông D và bà Ch, nhưng trong giấy chỉ thể hiện ông D là người đứng tên bán, còn ký tên thì có đủ người bán là ông D và bà Ch, những người con làm chứng việc bán đất gồm ông Th, ông NLQ4, ông V, bà NLQ5. Riêng bà NLQ1 có mặt nhưng không ký vào giấy bán đất vì ông D và bà Ch cho rằng chỉ cần một vài người con làm chứng.

Về đất: Diện tích đất đang tranh chấp chia thừa kế là do ông D và bà Ch khai hoang năm 1954, sau đó định cư ở đây cho đến khi chết.

Về nhà: Ông được nghe ông D và bà Ch kể lại đồng thời với việc khai hoang thì ông D và bà Ch cũng làm một căn nhà nhỏ bằng gỗ trên đất, còn tài sản trong nhà, diện tích, cấu trúc căn nhà thì tôi không biết. Vào tháng 4 năm 1975 căn nhà bị pháo kích nên sập, ông D và bà Ch có sửa lại căn nhà để ở tạm. Sau một thời gian xuống cấp, nhà không ở được nữa, năm 1985 ông D và bà Ch xây lại nhà mới trên nền nhà cũ này. Căn nhà mới có mái lợp tole, vách nhà gạch ống đỏ, nền gạch bông, diện tích nhà bề ngang 8m, 01 phòng khách, 03 phòng ngủ, phía sau nhà bếp, trong nhà thì chỉ có một số vật dụng sinh hoạt gia đình và bàn ghế, giường tủ. Khi xây căn nhà không có bản vẽ. Từ lúc xây đến giờ căn nhà không có thay đổi, sửa sang, xây dựng gì mới.

Ông D chết vào ngày 09/4/2009, bà Ch chết vào ngày 12/5/2009. Ông D, bà Ch chết không để lại di chúc. Quá trình chung sống ông, bà có 08 người con chung gồm ông Lâm Cao Th, bà NLQ1, bà NLQ2, ông Lâm Văn V, ông NLQ4, bà NLQ5, ông Lâm Quang H và ông Lam Thinh (NLQ6). Ngoài những người con trên ông D, bà Ch không còn người con nào khác, kể cả con nuôi, con ngoài giá thú; ông bà nội, ông bà ngoại của ông Th đều chết trước ông D và bà Ch; ông D và bà Ch cũng không có cha mẹ nuôi, không có người phụ thuộc nào khác.

Nhà và đất đang tranh chấp hiện do ông Lâm Quang H và bà Nguyễn Thị Ph đang sử dụng, quản lý; ông Th khởi kiện yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế là căn nhà và quyền sử dụng diện tích đất 1.167m^2 tại thửa số 231, tờ bản đồ số 42, tại xã BS, huyện TB do Ủy ban nhân dân huyện TN(nay là UBND huyện TB) đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 445524 ngày 23/4/1999 cho ông Lâm Văn D.

Quá trình khởi kiện tranh chấp thừa kế do không am hiểu pháp luật nên trình bày không chính xác cha ông là ông Lâm Văn D trước khi chung sống với bà Đặng Thị Ch có một người vợ là bà Nguyễn Thị D1, sinh năm 1943 chết năm 1960 có 2 người con chung là ông Lâm Cao Th, bà NLQ1. Sau khi bà Dâng chết, ông D chung sống với bà Ch có 06 người con là bà NLQ2, ông Lâm Văn V, ông NLQ4, bà NLQ5, ông Lâm Quang H, ông Lam Thinh (NLQ6).

Quá trình chung sống cha mẹ các ông, bà chỉ có tạo lập được tài sản chung là căn nhà và quyền sử dụng đất số 231, tờ bản đồ số 42, diện tích 1.167m^2 tại xã BS, huyện TB, Ủy ban nhân dân huyện TN(nay là Ủy ban nhân dân huyện TB) đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 445524 ngày 23/4/1999 cho ông Lâm Văn D.

- *Bị đơn:* Sau khi có đơn khởi kiện, Tòa án đã triệu tập, tiến hành thủ tục niêm yết nhưng ông Lâm Quang H và bà Nguyễn Thị Ph vẫn vắng mặt, nên không có trình bày, lời khai theo quy định của pháp luật.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà NLQ1, bà NLQ2, ông Lâm Văn V, ông NLQ4, bà NLQ5, ông Lam Thinh (NLQ6) trình bày:*

TNtrình bày của nguyên đơn ông Lâm Cao Th cũng như trình bày của ông Lâm Văn V là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, đồng thời cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, về diện và hàng thừa kế, tài sản và ý kiến của các anh chị em về yêu cầu chia tài sản thừa kế đang tranh chấp.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2017/DS-ST ngày 06 tháng 7 năm 2017, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã quyết định:

Căn cứ các Điều 26, 37, 203, 220, 227 và 266 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 631, 632, 633, 634, 635, 674, 675, 676, 685, khoản 2 Điều 305 Bộ luật Dân sự 2005; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTV QH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Nghị quyết 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lâm Cao Th.

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn ông Lâm Cao Th, người có quyền, nghĩa vụ liên quan bà NLQ1, bà NLQ2, ông Lâm Văn V, ông NLQ4, bà NLQ5, ông Lam Thinh (NLQ6) để cho ông Lâm Quang H và bà Nguyễn Thị Ph được tiếp tục quản lý, sử dụng căn nhà và quyền sử dụng đất 392,4m^2, trong đó có 50m^2 là đất thổ cư trị giá đất 145.000.000 đồng và 342,4m^2 đất nông nghiệp trị giá 787.520.000 đồng. Tổng giá trị là 932.520.000 đồng. Đất được giới hạn bởi các mốc A, B, C, D, 10, 9, 8, 7, A theo trích lục và đo chỉnh lý thửa đất bản đồ địa chính số 10031/2016 ngày 29/10/2016 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai.

Ông Lâm Cao Th, bà NLQ1, bà NLQ2, ông Lâm Văn V, ông NLQ4, bà NLQ5, ông Lam Thinh (NLQ6) được quản lý, sử dụng diện tích đất và 812,1m^2, trong đó có 250m^2 đất thổ cư trị giá 725.000.000 đồng và 562,1m^2 đất nông

nghiệp trị giá 1.292.830.000 đồng. Tổng giá trị 2.017.830.000 đồng. Đất được giới hạn bởi các mốc 1, 2, 3, 4, B, C, D, 11, 12, 1 theo trích lục và đo chỉnh lý thửa đất bản đồ địa chính số 10031/2016 ngày 29/10/2016 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai.

Buộc ông Lâm Quang H và bà Nguyễn Thị Ph phải thanh toán lại giá trị quyền sử dụng số tiền 545.234.000 đồng cho các đồng thừa kế ông Lâm Cao Th, bà NLQ1, bà NLQ2, ông Lâm Văn V, ông NLQ4, bà NLQ5, ông Lam Thinh (NLQ6).

(Theo trích lục và đo chỉnh lý thửa đất bản đồ địa chính số 10031/2016 ngày 29/10/2016 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai và kết quả Chứng thư thẩm định giá số 2704/TĐG-CT ngày 08/11/2016 của Công ty cổ phần thẩm định giá Đồng Nai).

Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 445524 ngày 23/4/1999 của Ủy ban nhân dân huyện TN(nay là UBND huyện TB) cấp cho ông Lâm Văn D do ông Lâm Quan H, bà Nguyễn Thị Ph đang giữ.

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký, kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Về chi phí tố tụng: Ông Lâm Cao Th phải chịu 19.300.171đ chi phí đo đạc và thẩm định giá tài sản; (đã nộp xong).

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lâm Cao Th phải chịu 18.439.687 đồng; ông Lâm Quang H phải chịu 18.439.687 đồng; các ông, bà NLQ1, NLQ2, Lâm Văn V, NLQ4, NLQ5, Lam Thinh (NLQ6), mỗi người phải chịu 18.439.687 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 20/7/2017, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai có Quyết định kháng nghị số 235/QĐ/KNPT-VKS-DS kháng nghị bản án dân sự sơ thẩm số 04/2017/DSST ngày 06/7/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai theo thủ tục phúc thẩm. Theo đó, đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm theo hướng hủy bản án sơ thẩm, với các lý do: Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng, xác minh, thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, giải quyết vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự; đồng thời, cách tuyên không chính xác gây khó khăn cho công tác thi hành án (Kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai).

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn

phúc thẩm: Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tiến hành các thủ tục tố tụng giải quyết vụ án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là ông Lâm Quang H và bà Nguyễn Thị Ph đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự này là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự còn lại đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về Kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Những lý do Kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai là có cơ sở; nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận Kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai, hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 235/QĐ/KNPT-VKS-DS ngày 20/7/2017 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai là đúng thẩm quyền, trong thời hạn và đúng thủ tục theo quy định của pháp luật nên hợp lệ.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Lâm Quang H và bà Nguyễn Thị Ph, là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến kháng nghị nêu trên, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự này theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét những lý do kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đưa ra đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm theo hướng hủy bản án sơ thẩm, như sau:

[3.1] Xét kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai với lý do, Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành xác minh tại địa phương về tình trạng cư trú của bị đơn ông Lâm Quang H và bà Nguyễn Thị Ph mà tiến hành giải quyết vắng mặt các đương sự này là chưa đảm bảo đúng quy định của pháp luật, là thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, vi phạm điểm h khoản 2 Điều 97 của Bộ luật Tố tụng dân sự:

[3.1a] Trước khi thụ lý vụ án, Ủy ban nhân dân xã BS đã lập Biên bản hòa giải V/v tranh chấp quyền sử dụng đất và thừa kế ngày 12/4/2012, trong đó có ghi rõ có mời ông Lâm Quang H tham gia nhưng vắng mặt (BL 10, 19).

[3.1b] Sau khi thụ lý, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã triệu tập, tiến hành thủ tục niêm yết theo đúng quy định pháp luật nhưng bị đơn ông Lâm Quang H và bà Nguyễn Thị Ph vẫn vắng mặt.

Các Biên bản tống đạt ngày 13/10/2015 và ngày 04/7/2016 của Văn phòng Thừa phát lại BH đều có ghi rõ việc tiến hành tống đạt Giấy triệu tập của Tòa án cho ông Lâm Quang H và bà Nguyễn Thị Ph, tại số nhà 120 thôn ĐB, ấp BC, xã BS, huyện TB, tỉnh Đồng Nai, nhưng ông H và bà Ph từ chối không chịu nhận, có sự tham gia, chứng kiến và ký xác nhận của Trưởng ấp BC và Phó Chủ tịch xã BS (BL 31, 77).

Biên bản tống đạt ngày 08/9/2015 của Văn phòng Thừa phát lại BH cũng ghi rõ việc tiến hành tống đạt Giấy triệu tập của Tòa án cho ông Lâm Quang H và bà Nguyễn Thị Ph, tại số nhà 120 thôn ĐB, ấp BC, xã BS, huyện TB, tỉnh Đồng Nai, nhưng ông H và bà Ph từ chối không chịu nhận, có sự tham gia, chứng kiến và ký xác nhận của Trưởng ấp BC và Trưởng Công an xã BS (BL 34).

Biên bản tống đạt ngày 16/6/2016 của Văn phòng Thừa phát lại BH có ghi rõ việc tiến hành tống đạt Quyết định hoãn phiên tòa số 130/2017/QĐST-DS ngày 07/6/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai cho ông Lâm Quang H và bà Nguyễn Thị Ph, tại số nhà 120 thôn ĐB, ấp BC, xã BS, huyện TB, tỉnh Đồng Nai, nhưng ông H và bà Ph từ chối không chịu nhận, có sự tham gia, chứng kiến và ký xác nhận của Phó Chủ tịch xã BS (BL 247).

[3.1c] Với các tài liệu, chứng cứ nêu trên có đủ cơ sở xác định, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lâm Quang H và bà Nguyễn Thị Ph vẫn cư trú tại số nhà 120 thôn ĐB, ấp BC, xã BS, huyện TB, tỉnh Đồng Nai. Tòa án cấp sơ thẩm đã triệu tập, tiến hành thủ tục niêm yết theo đúng quy định pháp luật nhưng ông H và bà Ph vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông H và bà Ph là đúng quy định pháp luật.

[3.1d] Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm, Tòa án cũng đã lập Biên bản làm việc ngày 27/12/2018 về việc xác minh tại địa phương, có xác nhận của của Phó Trưởng công an xã BS, hiện nay ông Lâm Quang H và bà Nguyễn Thị Ph vẫn đang cư trú tại số 120 thôn ĐB, ấp BC, xã BS, huyện TB, tỉnh Đồng Nai.

Như vậy xét thấy, kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai với lý do cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành xác minh tại địa phương về tình trạng cư trú của bị đơn ông Lâm Quang H và bà Nguyễn Thị Ph mà tiến hành giải quyết vắng mặt các đương sự này là chưa đảm bảo đúng quy định của pháp luật, là thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, vi phạm điểm h khoản 2 Điều 97 Bộ luật Tố tụng dân sự, là không đúng, không có cơ sở để chấp nhận.

[3.2] Xét kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai với lý do, tại phiên tòa sơ thẩm, ông Lâm Văn V là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà NLQ1, bà NLQ2, ông NLQ4, bà NLQ5, ông Lam Thinh (NLQ6) TNtự nguyện không yêu cầu chia phần diện tích đất mà ông Lê Văn D đã chuyển nhượng cho ông H diện tích (ngang trước 7m, chiều ngang sau 5,5m x dài 40m), sự tự nguyện này là phù hợp pháp luật, không trái đạo đức xã hội, đồng thời có lợi cho bị đơn, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không ghi nhận sự tự nguyện này mà vẫn giải quyết đem chia đều cho các đồng thừa kế và giải quyết vượt quá yêu cầu khởi kiện ảnh hưởng đến quyền lợi của bị đơn:

[3.2a] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Lâm Văn V không thừa nhận có sự tự nguyện không yêu cầu chia phần diện tích đất mà ông Lê Văn D đã chuyển nhượng cho ông H diện tích (ngang trước 7m, chiều ngang sau 5,5m x dài 40m); đồng thời, ông Lâm Cao Th, ông NLQ4, bà NLQ5 cùng trình bày, không có việc các ông, bà TN tự nguyện không yêu cầu chia phần diện tích đất mà ông Lê Văn D đã chuyển nhượng cho ông H diện tích (ngang trước 7m, chiều ngang sau 5,5m x dài 40m).

[3.2b] Mặc khác, qua xem xét Biên bản phiên tòa sơ thẩm xét xử vụ án này ngày 06/7/2017 cũng không có thể hiện nội dung sự việc trên.

Như vậy xét thấy, lý do mà kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vượt quá yêu cầu khởi kiện ảnh hưởng đến quyền lợi của bị đơn, là không đúng.

[3.3] Xét kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai với lý do, tại phiên tòa vắng mặt ông Lâm Quang H và bà Nguyễn Thị Ph, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, trong đó có cả ông Lâm Quang H, về việc để cho ông Lâm Quang H và bà Nguyễn Thị Ph được tiếp tục quản lý, sử dụng căn nhà và quyền sử dụng đất 392,4 m^2 là không chính xác, là đúng.

Tuy nhiên, xét việc sai sót như trên chưa đến mức phải hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Hơn nữa, Tòa án cấp sơ thẩm đã có Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số: 37/2017/QĐ-SCBSBA ngày 11/8/2017 để bổ sung, sửa chữa những sai sót nêu trên theo quy định tại Điều 268 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3.4] Xét kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai với lý do, theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lâm Cao Th và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà NLQ1, bà NLQ2, ông Lâm Văn V, ông NLQ4, bà NLQ5, ông Lam Thinh (NLQ6) TN phần diện tích đất sau khi được chia đều cho các anh chị em sẽ do ông V quản lý, sử dụng hay định đoạt. Nhưng bản án sơ

thẩm lại không tuyên giao cho ông V đại diện quản lý, sử dụng. Cũng như về nghĩa vụ chịu án phí, bản án sơ thẩm không tuyên trách nhiệm của ông V đại diện cho nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm do có bà NLQ1 và ông Lam Thinh (NLQ6) hiện đang định cư ở nước ngoài:

[3.4a] Qua xem xét các văn bản ủy quyền của nguyên đơn ông Lâm Cao Th (BL 53), những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà NLQ2 (BL 45), ông NLQ4 (BL 55), bà NLQ5 (BL 56), bà NLQ1 (BL 57), ông Lam Thinh (NLQ6) BL58, đều không có nội dung sau khi được chia thừa kế cho các anh chị em sẽ do ông V quản lý, sử dụng hay định đoạt. Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông Nguyễn Văn V là người đại diện theo ủy quyền của các đương sự trên tham gia tố tụng giải quyết vụ án là trong phạm vi ủy quyền theo các văn bản ủy quyền nêu trên. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không tuyên giao cho ông V đại diện quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất sau khi được chia thừa kế của ông Lâm Cao Th, bà NLQ2, ông NLQ4, bà NLQ5, bà NLQ1, ông Lam Thinh (NLQ6) và ông Nguyễn Văn V là đúng theo yêu cầu của các đương sự này.

[3.4b] Đồng thời, Tòa án cấp sơ thẩm cũng không tuyên trách nhiệm của ông V, đại diện cho nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, mà buộc các đương sự này phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức tương ứng với giá trị phần di sản mà họ được hưởng thừa kế là đúng theo quy định tại khoản 5 Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Nghị quyết 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Như vậy xét thấy, kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đề nghị hủy bản án sơ thẩm với lý do, Tòa án cấp sơ thẩm không tuyên giao cho ông V đại diện quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất sau khi được chia thừa kế của ông Th, bà NLQ2, ông NLQ4, bà NLQ5, bà NLQ1, ông NLQ6; đồng thời, không tuyên trách nhiệm của ông V, đại diện cho các đương sự này, phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, là không đúng căn cứ pháp luật.

[3.5] Xét kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai với lý do, tại phiên tòa sơ thẩm, ông Lâm Văn V là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ số tiền 19.300.171đồng chi phí đo đạc và thẩm định giá tài sản, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không ghi nhận sự tự nguyện này mà lại tuyên ông Th phải chịu 19.300.171 đồng chi phí đo đạc và thẩm định giá tài sản là không chính xác, là đúng.

[3.5a] Tuy nhiên, toàn bộ số tiền 19.300.17 đồng chi phí đo đạc và thẩm định giá tài sản theo quyết định của bản án sơ thẩm đã được ông Th nộp xong.

[3.5b] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Lâm Cao Th và ông Lâm Văn V cùng trình bày, việc Tòa án cấp sơ thẩm không ghi nhận sự tự nguyện mà lại tuyên ông Th phải chịu 19.300.171 đồng chi phí đo đạc và thẩm định giá tài sản không ảnh hưởng gì đến quyền và lợi ích hợp pháp của phía nguyên đơn, nên ông Th và ông Lâm không kháng cáo.

Như vậy đã có đủ cơ sở xác định, mặc dù tại phiên tòa sơ thẩm, ông Lâm Văn V là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ số tiền 19.300.171 đồng chi phí đo đạc và thẩm định giá tài sản, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không ghi nhận sự tự nguyện này mà lại tuyên ông Th phải chịu 19.300.171 đồng chi phí đo đạc và thẩm định giá tài sản là không chính xác. Song, việc này không làm thay đổi bản chất, nội dung vụ án; ông Th và ông Lâm đồng ý không kháng cáo; không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự khác, nên không thuộc trường hợp phải hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm TNkhông chấp nhận Quyết định kháng nghị số: 235/QĐ/KNPT-VKS-DS ngày 20/7/2017 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2017/DS-ST ngày 06/7/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

[4] Những ý kiến, quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm không phù hợp với phân tích và nhận định nêu trên, không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[5] Những quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 235/QĐ/KNPT-VKS-DS ngày 20/7/2017 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2017/DS-ST ngày 06/7/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai:

Căn cứ các Điều 26, 37, 203, 220, 227 và 266 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 631, 632, 633, 634, 635, 674, 675, 676, 685, khoản 2 Điều 305 Bộ luật Dân sự 2005; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTV QH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Nghị quyết 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lâm Cao Th:

+ Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn ông Lâm Cao Th, người có quyền, nghĩa vụ liên quan bà NLQ1 (NLQ1), bà NLQ2, ông Lâm Văn V, ông NLQ4, bà NLQ5, ông NLQ6 (NLQ6) để cho ông Lâm Quang H và bà Nguyễn Thị Ph được tiếp tục quản lý, sử dụng căn nhà và quyền sử dụng đất 392,4m^2, trong đó có 50m^2 là đất thổ cư trị giá đất 145.000.000 đồng và 342,4m^2 đất nông nghiệp trị giá 787.520.000 đồng. Tổng giá trị là 932.520.000 đồng. Đất được giới hạn bởi các mốc A, B, C, D, 10, 9, 8, 7, A theo trích lục và đo chỉnh lý thửa đất bản đồ địa chính số 10031/2016 ngày 29/10/2016 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai.

+ Ông Lâm Cao Th, bà NLQ1 (NLQ1), bà NLQ2, ông Lâm Văn V, ông NLQ4, bà NLQ5, ông NLQ6 (NLQ6) được quản lý, sử dụng diện tích đất và 812,1m^2, trong đó có 250m^2 đất thổ cư trị giá 725.000.000 đồng và 562,1m^2 đất nông nghiệp trị giá 1.292.830.000 đồng. Tổng giá trị 2.017.830.000 đồng. Đất được giới hạn bởi các mốc 1, 2, 3, 4, B, C, D, 11, 12, 1 theo trích lục và đo chỉnh lý thửa đất bản đồ địa chính số 10031/2016 ngày 29/10/2016 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai.

+ Buộc ông Lâm Quang H và bà Nguyễn Thị Ph phải thanh toán lại giá trị quyền sử dụng với số tiền là 545.234.000 đồng cho các đồng thừa kế ông Lâm Cao Th, bà NLQ1 (NLQ1), bà NLQ2, ông Lâm Văn V, ông NLQ4, bà NLQ5, ông NLQ6 (NLQ6).

(Theo trích lục và đo chỉnh lý thửa đất bản đồ địa chính số 10031/2016 ngày 29/10/2016 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai và kết quả Chứng thư thẩm định giá số 2704/TĐG-CT ngày 08/11/2016 của Công ty cổ phần thẩm định giá Đồng Nai).

+ Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 445524 ngày 23/4/1999 của Ủy ban nhân dân huyện TN(nay là UBND huyện TB) cấp cho ông Lâm Văn D do ông Lâm Quan H và bà Nguyễn Thị Ph đang giữ.

+ Các đương sự có trách nhiệm liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký, kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

+ Về chi phí tố tụng: Ông Lâm Cao Th phải chịu 19.300.171 đồng chi phí đo đạc và thẩm định giá tài sản, (đã nộp xong).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền trên thì phải chịu lãi suất chậm trả theo mức lãi suất cơ bản do Ngân Hàng Nhà nước quy định tương ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lâm Cao Th phải chịu 18.439.687 đồng. Số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm ông Th đã nộp 3.125.000đ tại biên lai thu số 004824 ngày 25/6/2015 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai được tính trừ án phí ông Th phải chịu, ông Th còn phải nộp tiếp 15.314.687 đông.

Ông Lâm Quang H phải chịu 18.439.687 đồng.

Bà NLQ1 (NLQ1), bà NLQ2, ông Lâm Văn V, ông NLQ4, bà NLQ5, ông NLQ6 (NLQ6), mỗi đương sự phải chịu 18.439.687 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền trên thì phải chịu lãi suất chậm trả theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 26 tháng 4 năm 2019./.

Nơi nhận:
– Tòa án nhân dân tối cao;
– VKSNDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh;
– TAND tỉnh Đồng Nai;
– VKSND tỉnh Đồng Nai;
– Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
– Các đương sự;
– Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Đình Thanh